

suggestion particle

white

hundred

to help

newspaper

to compare

cheap

don't

to sing a song

百

bǎi

白

bái

吧

ba

比

bǐ

报纸

bào zhǐ

帮助

bāng zhù

唱歌

chàng gē

别

bié

便宜

pián yi

to go out

to wear

boat

measure word for
times

from

mistake

to play basketball

everyone

but

船

chuán

穿

chuān

出

chū

错

cuò

从

cóng

次

cì

但是

dàn shì

大家

dà jiā

打篮球

dǎ lán qiú

to reach

to obtain

younger brother

first

to understand

room

very

waiter

high

弟弟

dì dì

得

dé

到

dào

房间

fáng jiān

懂

dǒng

第一

dì yī

高

gāo

服务员

fú wù yuán

非常

fēi cháng

to tell

older brother

to give

bus

kilogram

company

expensive

still

child

给

gěi

哥哥

gē ge

告诉

gào su

公司

gōng sī

公斤

gōng jīn

公共汽车

gōng gòng qì chē

孩子

hái zi

还

hái

贵

guì

tasty

number

black

red

to welcome

to reply

airport

egg

item

黑

hēi

号

hào

好吃

hǎo chī

回答

huí dá

欢迎

huān yíng

红

hóng

件

jiàn

鸡蛋

jī dàn

机场

jī chǎng

classroom

to introduce

older sister

near

to go forward

then

to think that

coffee

to begin

姐姐

jiě jie

介绍

jiè shào

教室

jiào shì

就

jiù

进

jìn

近

jìn

开始

kāi shǐ

咖啡

kā fēi

觉得

jué de

to take an exam

might

can

lesson

rapid

happy

tired

away from

two

可以

kě yǐ

可能

kě néng

考试

kǎo shì

快乐

kuài lè

快

kuài

课

kè

两

liǎng

离

lí

累

lèi

road

trip

to sell

slow

busy

each

younger sister

gate

a man

卖

mài

旅游

lǚ yóu

路

lù

每

měi

忙

máng

慢

màn

男人

nán rén

门

mén

妹妹

mèi mei

you

cow's milk

woman

side

to run

ticket

wife

to get out of bed

thousand

女人

nǚ rén

牛奶

niú nǎi

您

nín

票

piào

跑步

pǎo bù

旁边

páng biān

千

qiān

起床

qǐ chuáng

妻子

qī zi

clear

last year

to let

to go to work

the body

to fall ill

birthday

time

affair

让

ràng

去年

qù nián

晴

qíng

生病

shēng bìng

身体

shēn tǐ

上班

shàng bān

事情

shì qing

时间

shí jiān

生日

shēng rì

wristwatch

cell phone

to send

therefore

it

to kick

topic

to dance

outside

送

sòng

手机

shǒu jī

手表

shǒu biǎo

踢

tī

它

tā

所以

suǒ yǐ

外

wài

跳舞

tiào wǔ

题

tí

to finish

to play

evening

for

to ask

question

to hope

to wash

watermelon

晚上

wǎn shang

玩

wán

完

wán

问题

wèn tí

问

wèn

为

wèi

西瓜

xī guā

洗

xǐ

希望

xī wàng

towards

hour

to laugh

new

family name

rest

snow

color

eye

笑

xiào

小时

xiǎo shí

向

xiàng

休息

xiū xi

姓

xìng

新

xīn

眼睛

yǎn jīng

颜色

yán sè

雪

xuě

mutton

medicine

to want

also

in the same place

already

meaning

because

overcast

要

yào

药

yào

羊肉

yáng ròu

已经

yǐ jīng

一起

yī qǐ

也

yě

阴

yīn

因为

yīn wèi

意思

yì si

swimming

right side

fish

yuan

far

sports

again

early morning

measure word for flat
objects

鱼

yú

右边

yòu bian

游泳

yóu yǒng

运动

yùn dòng

远

yuǎn

元

yuán

张

zhāng

早上

zǎo shang

再

zài

long

husband

to try to find

continuous-aspect
particle

really

in the process of

to know

preparation

bicycle

找

zhǎo

丈夫

zhàng fu

长

cháng

正在

zhèng zài

真

zhēn

着

zhe

自行车

zì xíng chē

准备

zhǔn bèi

知道

zhī dào

to walk

most

left

左边

zuǒ bian

最

zuì

走

zǒu